

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HSPT

Ngày: 06 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Lê Thành Tân**

2/ Bà **Đặng Thị Kiều Duyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Văn Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/HSPT ngày 10/5/2021 đối với các bị cáo Kim Hoài V, Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí K, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Ngô Minh C (tên gọi khác: A)**, sinh năm 1993; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ 08, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn V (chết) và bà Lê Thị Cẩm H; vợ Đoàn Thị Ngọc T, có 02 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Có hai tiền sự vào năm 2015 và năm 2017 về hành vi xâm hại sức khỏe người khác; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1985; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp Mỹ Lợi, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị T; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2020 đến ngày 11/11/2020 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1996; tại An Giang; Nơi cư trú: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim C; vợ Trương Thị Ánh T, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2020 đến ngày 03/11/2020 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Lê Hoàng P**, sinh năm 1987; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Cao Thị Thu T; vợ Nguyễn Thị Cẩm T, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2020 đến ngày 11/11/2020 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo **Trần Thị Kim Y**, sinh năm 1994; tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Số 4, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo **Trần Quốc T (tên gọi khác: L)**, sinh năm 1996; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Bùi Xuân N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị kháng nghị

7. Bị cáo **Kim Hoài V (tên gọi khác: Krana)**, sinh năm 1996; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ 05, khóm 2, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Hồ Đ và bà Võ Thị S; vợ Lê Thái Cẩm N; có 02 con, lớn nhất 3 tuổi, nhỏ nhất 11 tháng; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2019 đến ngày 25/7/2020 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo **Nguyễn Chí K**, sinh năm 1982; tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L; vợ Nguyễn Thanh Kim C, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Minh C là: ông Trần Quang H – Luật sư của công ty luật TNHH MTV Q, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí K là: ông Nguyễn Quốc H – Luật sư của Chi nhánh công ty luật TNHH C và Cộng sự tại Vĩnh Long, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 26/12/2019, Kim Hoài V cùng với Trần Quốc T chạy xe xuống quán nhậu M ở xã Đ, thị xã B, Vĩnh Long để trả tiền cho chủ quán do cha vợ của V là ông T nhậu thiếu tiền quán. Khi đến quán, V có gặp Nguyễn Thị Thu H, V cho rằng H “nhìn đều” mình nên dùng tay đánh vào mặt H01 cái thì được những người trong quán can ra, nên V và Thắng cùng với ông Toàn ra về.

Đến khoảng 10 giờ ngày 27/12/2019, do H tức giận về việc bị V đánh nên H đến quán M hỏi địa chỉ nhà của ông Toàn, rồi H cùng với Nguyễn Minh C, Lê Hoàng P, Nguyễn Văn X, Trần Thị Kim Y và Võ Thị T đi đến nhà ông Toàn ở xóm Lu thuộc ấp M, xã M, thị xã B tìm V hỏi rõ nguyên nhân vì sao V đánh H (lúc đi thì trong cốp xe Attila của Y và P điều khiển có sẵn 02 con dao tự chế). Khi đến nhà ông T không thấy V nên H hỏi mẹ vợ V là bà Trần Thị U để xin số điện thoại của V, rồi H cùng với những người đi chung lại quán nhậu trong khu công nghiệp H (thuộc ấp M, xã M) uống bia. Trong lúc uống bia thì Nguyễn Minh C về nhà ở xã T, thị xã B rủ thêm Nguyễn Chí K, Nguyễn Phước Đ, Nguyễn Tấn T và Dương Văn G xuống khu công nghiệp Hoàng Quân uống bia cùng với H. Khi những người này vào quán uống bia, thì H kể lại sự việc bị V đánh cho K nghe. Sau khi K nghe xong, K nói sẽ đứng ra giải quyết. Lúc này, H lấy sim điện thoại đã nhờ T mua trước đó gắn vào điện thoại của H, rồi H điện thoại cho V để K nói chuyện với V, nhưng V không nghe máy. K kêu T lấy điện thoại của H nhắn tin cho V với nội dung: “Tao K nè, mày không nghe máy chút tao ra tới nhà mày đó” nhưng V không trả lời tin nhắn. Nhóm H tiếp tục gọi điện thoại cho V, nhưng V cũng không nghe máy. Khoảng 10 phút sau thì nhóm H liên tục gọi điện thoại cho V để K nghe máy nói chuyện, thách thức đánh nhau với V. Tiếp theo, K cùng với C, G và P cầm theo 02 cây dao tự chế đi ra khu vực nhà V ở hẻm P thuộc khóm 2, phường T, thị xã B tìm V (trước khi đi thì K có kêu T nhắn tin cho V với nội dung: “Đang ra nhà mày nè, mày đợi đi”) nhưng

không gặp nên quay về khu công nghiệp Hoàng Quân. Sau đó, K và H cùng với C, P, Y, T, Đ và Hoa kéo nhau đến quán nhậu P ở phường Đ nhậu tiếp, riêng G và X thì đã bỏ về trước.

Trong lúc V đang nhậu ở nhà của V cùng với Thắng, sau khi hay tin nhóm của K ra khu vực nhà V ở hẻm Thành Pháo tìm thì V liền nảy sinh ý định tìm nhóm H đánh nên V vào nhà lấy 02 cây dao tự chế đi ra và kêu Thắng cùng đi với V, rồi V chạy xe chở Thắng đi tìm nhóm H đánh, giải quyết mâu thuẫn. Trên đường đi thì V điện thoại cho Ngô Minh C (bạn V) nói là “có thằng K hện chém lộn” và rủ C đi theo thì C đồng ý. Khi V chạy xe xuống tới gần khu vực cầu vượt phường Đ thì gặp C đang chạy xe tới, nên V, T và C cùng nhau đi xuống quán M tìm nhóm của H nhưng không gặp mà chỉ gặp chị Nguyễn Thanh H (chủ quán M) và đứng nói chuyện với chị O. Cùng thời điểm này thì T từ quán P đi về định vô quán M thì nhìn thấy nhóm của V có cầm hung khí, nghĩ là nhóm V tìm đánh H nên T chạy về quán P báo tin cho nhóm của H biết đề phòng. Khi nhóm của H và K hay tin nhóm của V xuống quán M có cầm theo hung khí, nên nhóm của H và K đi lấy hung khí rồi xuống quán M tìm nhóm V. Trước khi đi thì C lấy 01 con dao thái lan trong quán P đưa cho K, Y thì điều khiển xe chở P chạy về nhà trọ cho X hay rồi P lấy 02 con dao tự chế (mã tấu) ở phòng trọ, còn X thì cũng lấy theo 01 con dao tự chế. Sau đó, H cùng với K, X, P, Y, T, Đ và C kéo xuống quán M. Còn T đi nhờ xe của người khác chở xuống quán M sau. Khi nhóm H và K xuống tới quán thì lúc này nhóm V đã bỏ đi về quán cà phê Thiên Thai của Tền ở khu vực ao sen (thuộc phường Đ) uống nước. Tại đây, V đưa cho C 01 cây dao tự chế mà V mang theo trước đó. Do không gặp được nhóm của V, nên nhóm của H, K gọi điện thoại hỏi V đang ở đâu thì V nói “đang ở quán cà phê của Tền ở khu vực ao sen”. Sau khi gọi điện thoại xong, H nói lại với những người trong nhóm là V hện ở quán của “Tiểu” ở khu vực ao sen (do lúc nói chuyện với V H nghe nhầm Tền thành Tiểu). Trước khi đi thì X có đưa cho K thêm 01 cây dao tự chế, P lấy 02 cây dao tự chế (đã lấy ở nhà trọ) đưa cho C 01 cây, X 01 cây và P vào quán M lấy thêm 01 cây dao, còn Đ thì lượm 02 cục đá 4 x 6 để đi tìm V. Tiếp theo, nhóm của H và K từ quán M chạy xe lên cầu vượt phường Đ thì dừng xe lại tiếp tục điện thoại cho V, rồi cả nhóm chạy lại khu vực ao sen phường Đ nhưng không thấy nhóm V. Lúc này, K kêu H chạy xe lên hướng chợ B tìm nhóm V. Khi đi, thì H chạy xe mô tô chở K cầm theo 01 cây dao tự chế (mã tấu), dao thái lan và chở X cầm dao tự chế (mã tấu); T thì điều khiển xe chở C cầm dao tự chế và Đ cầm 02 cục đá 4 x 6; còn Y thì điều khiển xe chở P cầm dao chạy phía sau. Cùng thời điểm này nhóm của V ở quán T đợi nhưng không thấy nhóm của H đến, nên chạy xe đi về. Khi đến khu vực giao lộ đường N và V (ngã tư đèn xanh - đỏ) của chợ B ở khóm 1, phường C, thị xã B thì nhóm của H, K và V gặp nhau (lúc này là khoảng 19 giờ 45 phút đến 19

giờ 50 phút cùng ngày). Khi H phát hiện thấy C, V chạy phía trước nên H nói cho K biết thì K kêu H chạy xe lên, T điều khiển xe chở C, Đ chạy vượt lên chặn phía trước trên cầu. Khi nhóm của V phát hiện nhóm của H chạy xe theo phía sau và có người chạy xe vượt lên phía trước, nên C và Thắng tấp xe lại vào lề, rồi V và C cầm dao tự chế bước xuống xe. Thắng thấy bên nhóm của H có nhiều người cầm hung khí, nên Thắng bỏ chạy và tìm chỗ trốn. Lúc này, nhóm của H cũng vừa tới bước xuống xe, rồi cầm hung khí quơ chém nhau với V và C. Trong lúc chém nhau thì V cầm dao tự chế chém trúng mặt và chém đứt lìa cẳng tay trái của K, rồi V bỏ chạy lên cầu (cầu huyện Đội cũ) thì bị C cầm mã tấu và Đ cầm đá chặn lại nên V cầm mã tấu chạy và quơ chém lại trúng vào cẳng tay phải của C 01 cái gây thương tích, V thì bị Đ cầm cục đá chọi trúng tay nên V bỏ chạy về hướng lộ cũ; còn X và P thì cầm mã tấu, dao quơ chém nhau với C (nhưng không có ai bị thương), sau đó C bỏ chạy. Sau khi hai bên chém nhau xong thì lúc này T được người đàn ông lạ mặt (do T nhờ) chạy xe chở đến, T thấy K bị thương nên T cùng với H chở K đi cấp cứu.

Theo kết luận giám định thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Chí K là 59%, Nguyễn Minh C là 14%.

Tại bản án sơ thẩm số: 08/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định tuyên bố các bị cáo Kim Hoài V, Ngô Minh C phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí K, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kim Hoài V 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 29/12/2019 đến ngày 25/7/2020.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Minh C 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm p, s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 04/3/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giam trước từ ngày 07/7/2020 đến ngày 11/11/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giam trước từ ngày 07/7/2020 đến ngày 03/11/2020.

- Xử phạt bị cáo Lê Hoàng P 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giam trước từ ngày 15/7/2020 đến ngày 11/11/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim Y 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 02 năm tù, bị cáo Nguyễn Phước Đ 02 năm tù, bị cáo Nguyễn Tấn T 01 năm 06 tháng tù cùng về tội Gây rối trật tự công cộng; quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/3/2021, bị cáo Ngô Minh C có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Ngày 10/3/2021, bị cáo Trần Quốc T có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/3/2021, bị cáo Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/3/2021, bị cáo Nguyễn Văn X có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/3/2021, bị cáo Lê Hoàng P và Trần Thị Kim Y có đơn kháng cáo với cùng nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B ra Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSBM nội dung: kháng nghị phần hình phạt của Bản án sơ thẩm số 08/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng tăng mức hình phạt đối với bị cáo Kim Hoài V, không cho bị cáo Nguyễn Chí K hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung án sơ thẩm.

Bị cáo Kim Hoài V và Nguyễn Chí K thừa nhận tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng hành vi phạm tội, không oan, các bị cáo xin giữ y án sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T thừa nhận tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng hành vi phạm tội, không oan nhưng mức án mà bản án sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là nặng, nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T. Đề nghị sửa án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Kim Hoài V, Nguyễn Chí K và y án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kim Hoài V mức án từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí K 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Minh C 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 5; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Xử phạt bị cáo Lê Hoàng P 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim Y 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí K phát biểu: Thống nhất với tội danh và điều luật mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo K. Do bản thân bị cáo gặp nhiều khó khăn như có con bị bệnh và hiện tại bị cáo cũng bị thương tích mất 1/3 cánh tay trái, tỷ lệ tổn thương 59%. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án như tòa án cấp sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Minh C phát biểu: Thống nhất với tội danh và điều luật mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo C. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền cho phía bị hại K, phía bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo chỉ là đồng phạm trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo Kim Hoài V và bị cáo Nguyễn Chí K xin giữ y án sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B kháng nghị bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Kim Hoài V và Nguyễn Chí K. Các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B. Các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tất cả các bị cáo đều khai nhận vào ngày 27/12/2019, do mâu thuẫn nhỏ nhặt với nhóm của Nguyễn Thị Thu H nên bị cáo Kim Hoài V và bị cáo Ngô Minh C đã dùng dao tự chế xô sát với nhóm của H. Trong lúc xô sát, bị cáo Kim Hoài V chém trúng mặt và đứt lìa cẳng tay trái của Nguyễn Chí K gây thương tích tỷ lệ 59%, đồng thời chém vào cẳng tay phải của Nguyễn Minh C gây thương tích tỷ lệ 14%. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí K, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T có hành vi chửi và cầm hung khí rượt đuổi chém nhau gây ra náo loạn tại khu vực giao lộ N – V. Trên cơ sở từ các lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và vật chứng thu giữ

được. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kim Hoài V và Ngô Minh C phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí K, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Kim Hoài V là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người trực tiếp dùng dao tự chế chém gây thương tích cho các bị hại, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ với bị cáo H mà khi nghe nhóm của H, K có ý đi tìm mình thì bị cáo lập tức có ý định sử dụng hung khí và rủ thêm hai bị cáo C và Thắng cùng đi chém lại nhóm H, K. Hành vi của bị cáo cho thấy sự manh động, bản chất côn đồ và ý thức xem thường sức khỏe của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Khi gặp nhóm của H, K thì bị cáo V rất hung hăng, manh động, quyết liệt chém một nhát làm đứt lìa cẳng tay trái của K, chém C gây thương tích ở tay phải. Thương tích mà bị cáo trực tiếp gây ra cho Nguyễn Chí K là 59% và Nguyễn Minh C là 14%. Hành vi phạm tội của bị cáo có 02 tình tiết định khung hình phạt theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo có thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho phía bị hại nhưng số tiền bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả cho phía bị hại không đáng kể so với số tiền mà bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường. Do đó, xét thấy cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 xét xử bị cáo V mức án 04 năm tù là chưa nghiêm, không đủ sức răn đe đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Chí K là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không hề có mâu thuẫn với bị cáo V và các bị cáo khác, khi nghe bị cáo H kể lại mâu thuẫn với bị cáo V, vì muốn thể hiện là đàn anh, bị cáo K tích cực nhận đứng ra giải quyết. Bị cáo K là người chủ động nhắn tin thách thức bị cáo V, bị cáo có vai trò rất lớn trong tác động đến các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 cho bị cáo K là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, khi thực hiện hành vi phạm tội là bị cáo là người có sức khỏe, có điều kiện vận động, sinh hoạt bình thường. Thương tật và thiệt hại sức khỏe hiện tại của bị cáo là do bị cáo V gây ra, trường hợp của bị cáo chưa có chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định bị cáo là người khuyết tật theo quy định. Do đó, xét thấy cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo K mức án 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa đủ sức răn đe đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B là có căn cứ để chấp nhận.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Minh C là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo cũng không có mâu thuẫn gì với nhóm của bị cáo H, K, chỉ vì lời rủ rêu của bị cáo V mà bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bản tính côn đồ của

bị cáo, sự xem thường sức khỏe của người khác và xem thường sự trừng trị của pháp luật. Tuy bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại nhưng hành vi của bị cáo đã giúp sức tích cực cho bị cáo V. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại K. Sau khi xét xử sơ thẩm và trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo C đã bồi thường thêm cho bị hại K số tiền 28.995.000đ, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường của mình, bị hại K có đơn bãi nại đối với bị cáo nên xem đây là các tình tiết mới nhưng mức án tòa án cấp sơ thẩm đã xử 02 năm tù là không nặng so với khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C không có căn cứ để chấp nhận.

Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng không lo làm ăn tạo ra của cải vật chất giúp ích cho gia đình và xã hội mà lại tụ tập nhậu nhẹt, khi có mâu thuẫn thì dùng bạo lực giải quyết, dùng hung khí thanh toán nhau. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến an ninh trật tự tại địa phương, gây sự hoang mang trong nội bộ nhân dân. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của từng bị cáo, nhằm giáo dục riêng từng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội. Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ chấp nhận. Lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí K và luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Minh C là có cơ sở để chấp nhận một phần.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B. Sửa Bản án sơ thẩm số: 08/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B về hình phạt đối với các bị cáo Kim Hoài V, Nguyễn Chí K.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Kim Hoài V (Krana) 05 (Năm) năm tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 29/12/2019 đến ngày 25/7/2020.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 08/2021/HSST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B về hình phạt đối với các bị cáo.

2.1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Minh C (C) 02 (Hai) năm tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17 Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H 02 (Hai) năm tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giam trước từ ngày 07/7/2020 đến ngày 11/11/2020.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn X 02 (Hai) năm tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giam trước từ ngày 07/7/2020 đến ngày 03/11/2020.

- Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng P 02 (Hai) năm tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn đã tạm giam trước từ ngày 15/7/2020 đến ngày 11/11/2020.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim Y 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Số tiền bà Lê Thị Cẩm Hồng (mẹ của bị cáo Ngô Minh C) đã nộp 14.995.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 006871 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự thị xã B sẽ được bồi thường cho phía bị hại Nguyễn Chí K.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Ngô Minh C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn X, Lê Hoàng P, Trần Thị Kim Y, Trần Quốc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TXB: 09;
- CQTHADS TXB: 01;
- CQTHAHS TXB: 01;
- Trại giam: 01; BC: 08;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã M, p. Đ, xã T: 04;
- UBND xã V: 01;
- UBND xã M: 01;
- UBND xã Đ: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm